

Số: 29B/2020/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Bà **Đàm Thị Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 63/2020/QĐMPH-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Phạm Đức Q**, sinh ngày 04/07/1971; địa chỉ cư trú: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1979; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Ông **Đặng Quang H**, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/10/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khoảng năm 2010 chị T đã đi lao động ở Đài Loan và anh chị ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng anh Q chị T đã lâu không còn liên lạc với nhau. Đến nay

anh Q và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung gồm Phạm Đức Q, sinh ngày 07/9/1999 và Phạm Đức T, sinh ngày 05/01/2004. Cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành nên anh chị không đề nghị giải quyết. Khi ly hôn anh Q và chị T đã thống nhất anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Đức T đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu T có đơn đề nghị xin được ở với bố là anh Q.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Q và chị T cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Q tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Q và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn. Anh Phạm Đức Q hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Đặng Thị T hiện đang sinh sống ở Đài Loan nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các văn bản chị Đặng Thị T gửi về gồm Đơn xin ly hôn; Đơn xin xét xử vắng mặt; Giấy ủy quyền, toàn bộ giấy tờ này không có chứng thực. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị T so với chữ ký, chữ viết của chị T trong giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu khác, được kết luận là cùng một người ký, viết ra theo Kết luận giám định số 12KLGD ngày 18/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương nên công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Chị Đặng Thị T hiện nay sinh sống ở Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Đặng Quang H giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

Ông H đồng ý nhận ủy quyền của chị T để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án và xác định sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị T các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, lần cuối chị T xuất cảnh là vào ngày 20/9/2013. Từ đó đến nay chị T chưa nhập cảnh lần nào.

Tại phiên họp anh Q và chị T vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/10/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khoảng năm 2010 chị T đã đi lao động ở Đài Loan và anh chị ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng anh Q chị T đã lâu không còn liên lạc với nhau. Đến nay anh Q và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy tình trạng vợ chồng giữa anh Q chị T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận giao con chung Phạm Đức T, sinh ngày 05/01/2004 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, anh chị không đề nghị giải quyết nên tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí: Anh Q tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Q và chị T. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của anh Q và chị T, giao con chung Phạm Đức T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đức Q và chị Đặng Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Đức Q và chị Đặng Thị T về việc anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Đức T, sinh ngày 05/01/2004 đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Đặng Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Đức Q về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2018/0000765 ngày 06/01/2020**. Anh Q đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07/7/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

Bùi Đăng Huy